# KẾT QUẢ KINH DOANH

| Ngày 31/12/2024 | 13,800 VNĐ | | |
|---|---|---|---|
| **Thay đổi** | *1 tháng* | *3 tháng* | *6 tháng* |
| | 0% | 0% | -2.9% |

| | 2024 | YoY |
|---|---|---|
| **DT thuần** | 811 *tỷ VNĐ* | ▲ 30.0<br>▲ 3.9% |
| **LN gộp** | 163 *tỷ VNĐ* | ▲ 5.00<br>▲ 2.8% |
| **LN thuần** | 69.6 *tỷ VNĐ* | ▲ 3.90<br>▲ 5.8% |
| **LN sau thuế** | 56.8 *tỷ VNĐ* | ▲ 4.00<br>▲ 7.7% |
| **ROE** | 8.8% | +/- YoY<br>▲ 0.4% |
| **ROA** | 5.2% | +/- YoY<br>▲ 0.4% |

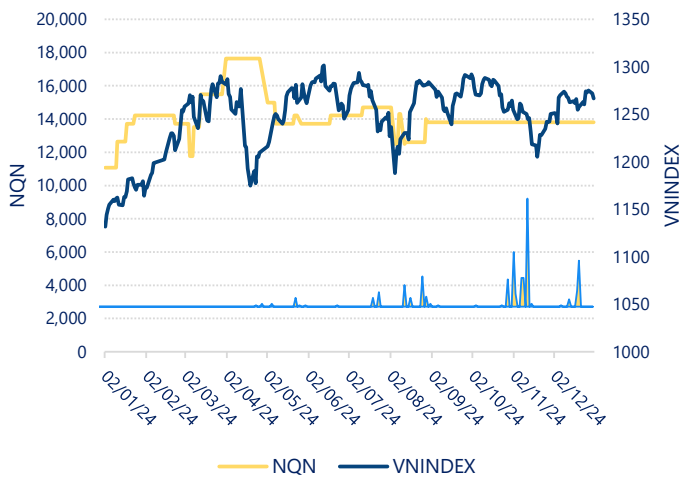


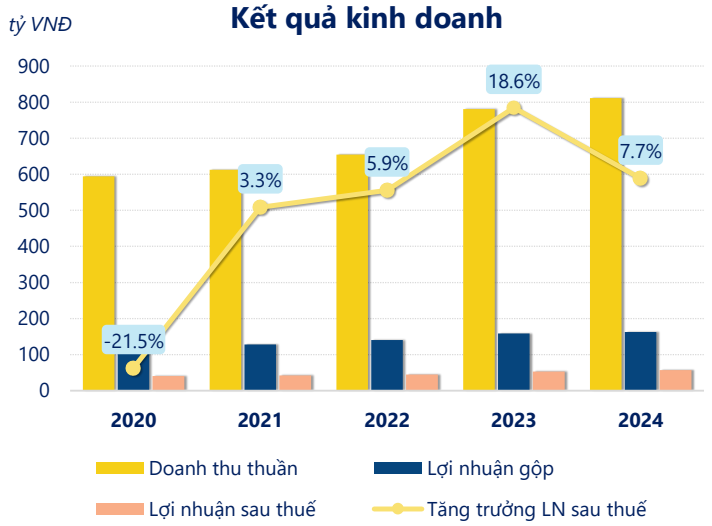


Kết quả kinh doanh **NQN** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **810.8** tỷ đồng **tăng 3.85%**, lợi nhuận sau thuế đạt 56.81 tỷ đồng **tăng 7.68%**.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **8.76%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

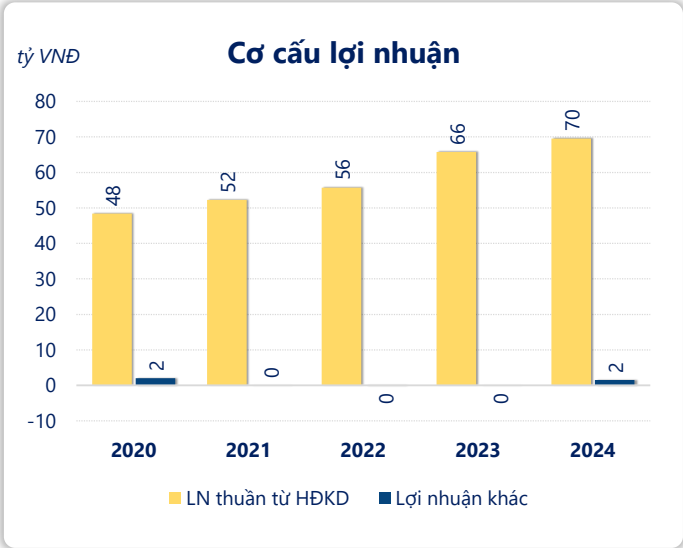


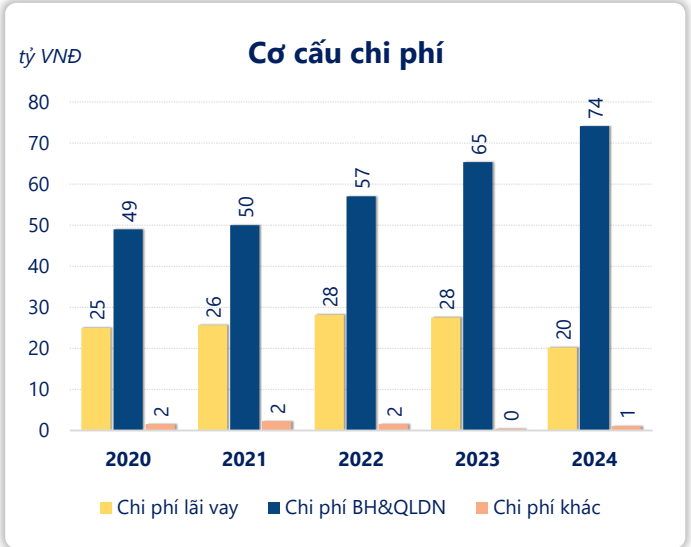


Năm **2024**, **NQN** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **69.55** tỷ đồng, **tăng lên 3.83** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (58.31 tỷ đồng) là 11.25 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

**Chi phí lãi vay giảm xuống** so với năm trước, còn **20.17** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **74.11** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **1.06** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

**ROE** của NQN năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **8.76%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.

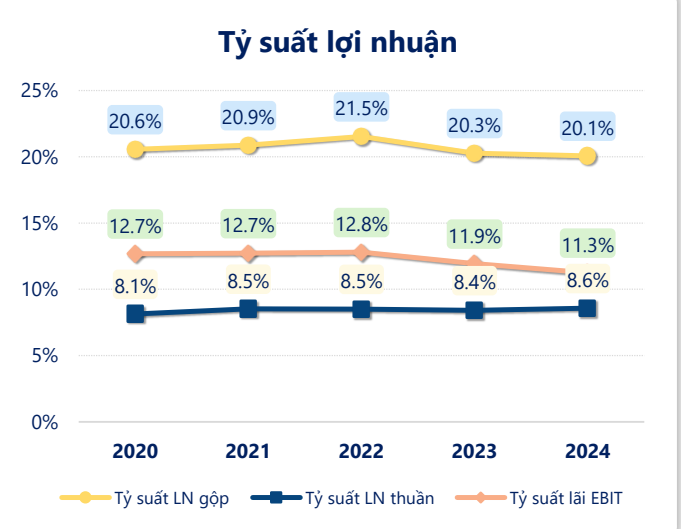


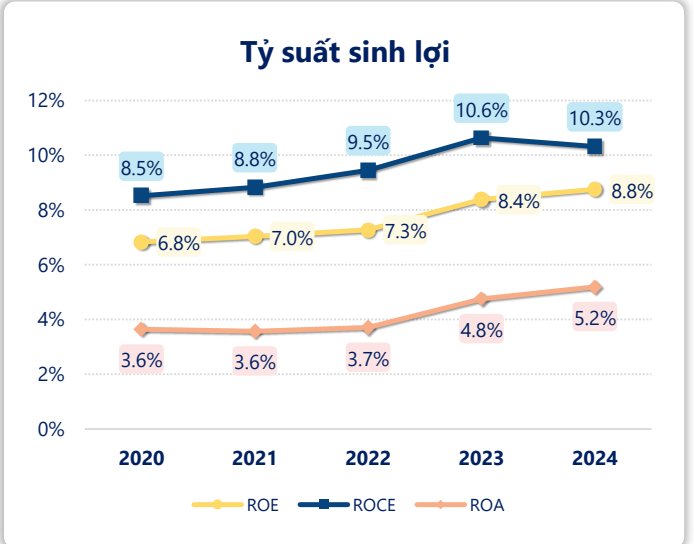

| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | **594** | **612** | **654** | **781** | **811** |
| Giá vốn hàng bán | 472 | 485 | 513 | 622 | 648 |
| **Lợi nhuận gộp** | **122** | **128** | **141** | **158** | **163** |
| Doanh thu HĐTC | 0.12 | 0.02 | 0.06 | 0.31 | 1.10 |
| Chi phí TC | 25.0 | 25.6 | 28.2 | 27.5 | 20.2 |
| **Chi phí lãi vay** | **25.0** | **25.6** | **28.2** | **27.5** | **20.2** |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 0.28 | 0.23 | 0.04 | 0.02 | 0.07 |
| Chi phí QLDN | 48.6 | 49.8 | 57.0 | 65.3 | 74.0 |
| **LN thuần từ HĐKD** | **48.3** | **52.2** | **55.7** | **65.7** | **69.6** |
| Lợi nhuận khác | 2.04 | 0.06 | -0.13 | -0.12 | 1.51 |
| **LN trước thuế** | **50.4** | **52.3** | **55.6** | **65.6** | **71.1** |
| **Lợi nhuận sau thuế** | **40.7** | **42.0** | **44.5** | **52.8** | **56.8** |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | **40.7** | **42.0** | **44.5** | **52.8** | **56.8** |

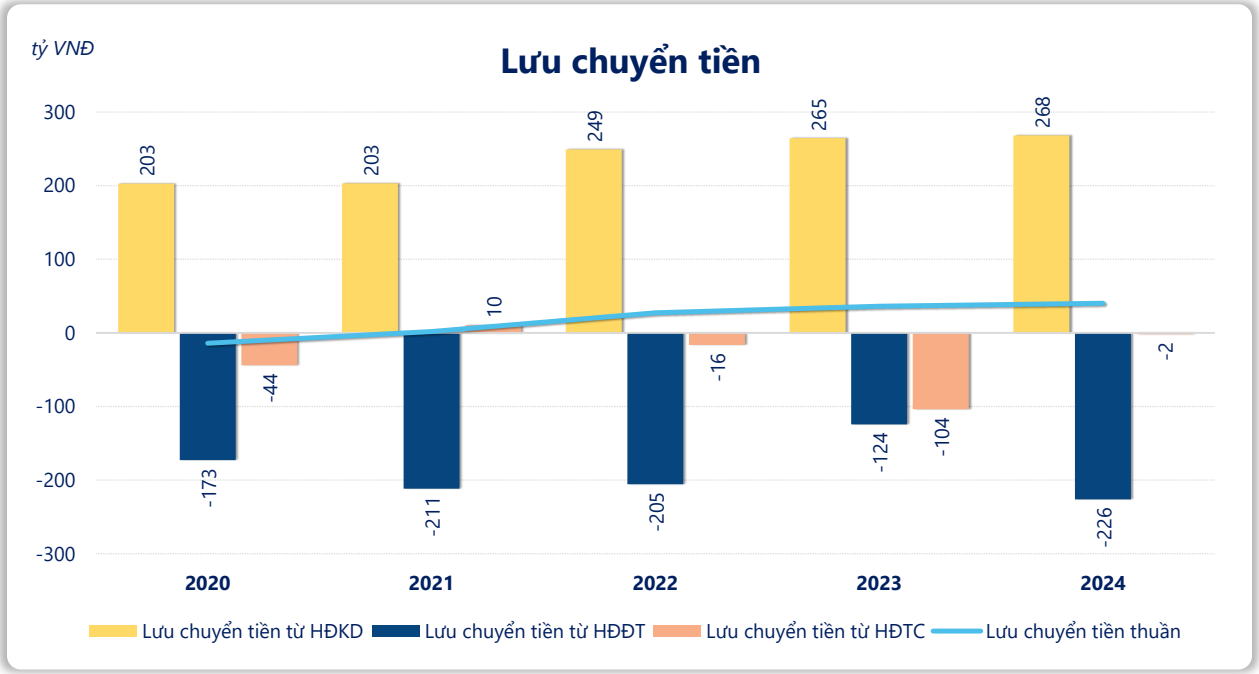


**Lưu chuyển tiền thuần** năm 2024 của NQN bằng **40.30** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (36.38 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **268.3** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-226.2** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-1.77** tỷ đồng.